

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
ĐOÀN CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 437 /QĐ-ĐCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc của Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2022-2025

ĐOÀN CHỦ TỊCH TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Học viện Phụ nữ Việt Nam và Ban Tổ chức Trung ương Hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc của Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2022-2025 (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương Hội, Học viện Phụ nữ Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TC (03).

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Hà Thị Nga

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2022-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 437../QĐ-ĐCT ngày 20/7/2022 của
Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

TT	Vị trí việc làm	Số lượng người làm việc
A	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, điều hành	60
I	Vị trí lãnh đạo, quản lý, điều hành Học viện Phụ nữ Việt Nam	4
1.	Chủ tịch Hội đồng Học viện Phụ nữ Việt Nam (Kiêm nhiệm)	
2.	Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam phụ trách chung, phụ trách công tác đào tạo	1
3.	Phó giám đốc Học viện phụ trách Nghiên cứu, hợp tác quốc tế	1
4.	Phó giám đốc Học viện phụ trách Hành chính	1
5.	Phó giám đốc Học viện Kiêm giám đốc Phân hiệu	1
II	Vị trí lãnh đạo, quản lý, điều hành đơn vị thuộc và trực thuộc (trong đó có 4 vị trí kiêm nhiệm)	44
1.	Trưởng khoa Khoa học cơ bản	1
2.	Trưởng khoa Công tác xã hội	1
3.	Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh	1
4.	Trưởng khoa Giới và Phát triển	1
5.	Trưởng khoa Luật	1
6.	Trưởng khoa Truyền thông đa phương tiện	1
7.	Trưởng khoa Kinh tế và Tài chính hoặc Trưởng khoa Du lịch (đơn vị mới sau năm 2024)	1
8.	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	1
9.	Trưởng phòng Đào tạo	1
10.	Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	1
11.	Trưởng phòng Tài chính Kế toán (kiêm Kế toán trưởng)	1

TT	Vị trí việc làm	Số lượng người làm việc
12.	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế và Quản lý khoa học	1
13.	Trưởng phòng Công tác sinh viên	1
14.	Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Cán bộ	1
15.	Viện trưởng Viện Nghiên cứu phụ nữ	1
16.	Viện trưởng Viện công nghệ thông tin	1
17.	Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Nâng cao Năng lực Phụ nữ	1
18.	Giám đốc Trung tâm Tư vấn pháp luật Học viện Phụ nữ Việt Nam	1
19.	Tổng biên tập Tạp chí khoa học (Kiêm nhiệm)	
20.	Phó Giám đốc Phân hiệu phụ trách Hành chính	1
21.	Phó Giám đốc Phân hiệu phụ trách Chuyên môn	1
22.	Thư ký Hội đồng Học viện (Kiêm nhiệm)	
23.	Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu phụ nữ	1
24.	Phó Viện trưởng Viện công nghệ thông tin (CNTT) phụ trách ngành CNTT	1
25.	Phó viện trưởng Viện công nghệ thông tin phụ trách quản trị hạ tầng CNTT	1
26.	Phó Trưởng khoa Khoa học cơ bản	1
27.	Phó Trưởng khoa Công tác xã hội	1
28.	Phó Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh phụ trách ngành Quản trị Kinh doanh	1
29.	Phó Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh (phân công phụ trách 1 ngành khi bổ nhiệm)	1
30.	Phó Trưởng khoa Giới và Phát triển	1
31.	Phó Trưởng khoa Luật	1
32.	Phó Trưởng khoa Truyền thông đa phương tiện	1
33.	Phó Trưởng khoa Kinh tế và Tài chính hoặc khoa Du lịch (đơn vị mới sau năm 2024)	1
34.	Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính phụ trách quản trị, cơ sở vật chất	1
35.	Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính phụ trách mảng hành chính	1
36.	Phó Trưởng phòng đào tạo	1

TT	Vị trí việc làm	Số lượng người làm việc
37.	Phó Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	1
38.	Phó Trưởng phòng Công tác sinh viên	1
39.	Phó Trưởng phòng Hợp tác quốc tế và Quản lý khoa học	1
40.	Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Cán bộ	1
41.	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Nâng cao Năng lực Phụ nữ	1
42.	Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Pháp luật (Kiêm nhiệm)	
43.	Phó Tổng biên tập Tạp chí khoa học (Viện NCPN – Kiêm nhiệm)	
44.	Trưởng khoa Khoa học cơ bản (Phân hiệu)	1
45.	Trưởng khoa Công tác xã hội (Phân hiệu)	1
46.	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (Phân hiệu)	1
47.	Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng cán bộ (Phân hiệu)	1
48.	Trưởng phòng Tổ chức hành chính (Phân hiệu)	1
III	<i>Vị trí điều hành các tổ chức cấu thành đơn vị thuộc và trực thuộc (trong đó có 13 vị trí kiêm nhiệm)</i>	12
1.	Trưởng bộ môn Ngoại ngữ	1
2.	Trưởng bộ môn Chính trị (Kiêm nhiệm)	
3.	Trưởng bộ môn Tâm lý (Kiêm nhiệm)	
4.	Trưởng bộ môn Giáo dục Thể chất & Giáo dục quốc phòng	1
5.	Trưởng bộ môn Xã hội học (Kiêm nhiệm)	
6.	Trưởng/phụ trách bộ môn Công tác xã hội cơ bản	1
7.	Trưởng bộ môn Công tác xã hội chuyên biệt (Kiêm nhiệm)	
8.	Trưởng bộ môn Kinh tế và Tài chính	1
9.	Trưởng bộ môn Marketing và Thương mại điện tử	1
10.	Trưởng bộ môn QTKD Tổng hợp (Kiêm nhiệm)	
11.	Trưởng bộ môn Du lịch, quản trị du lịch, khách sạn, nhà hàng	1
12.	Trưởng bộ môn Giới và phát triển con người (Kiêm nhiệm)	
13.	Trưởng/phụ trách bộ môn Giới trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội (Kiêm nhiệm)	

TT	Vị trí việc làm	Số lượng người làm việc
14.	Trưởng/phụ trách bộ môn Pháp luật Kinh tế	1
15.	Trưởng bộ môn Pháp luật Hành chính và Hình sự	1
16.	Trưởng bộ môn Pháp luật Dân sự (Kiêm nhiệm)	
17.	Trưởng bộ môn Văn hóa truyền thông (Kiêm nhiệm)	
18.	Trưởng/phụ trách bộ môn Báo chí truyền thông	1
19.	Trưởng/phụ trách bộ môn Mỹ thuật đa phương tiện	1
20.	Trưởng/phụ trách bộ môn Công nghệ thông tin	1
21.	Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu khoa học (Kiêm nhiệm)	
22.	Trưởng phòng vận hành hạ tầng CNTT, Viện CNTT (Kiêm nhiệm)	
23.	Trưởng phòng truyền thông, Viện CNTT (thường trực Ban biên tập web)	1
24.	Trưởng bộ môn thuộc khoa mới (Kiêm nhiệm)	
25.	Trưởng bộ môn thuộc khoa mới (Kiêm nhiệm)	
B	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	116
1.	Giảng viên Ngoại ngữ (tiếng Anh)	2
2.	Giảng viên Chính trị	6
3.	Giảng viên Tâm lý	6
4.	Giảng viên Giáo dục thể chất	1
5.	Giảng viên Xã hội học	4
6.	Giảng viên Công tác xã hội cơ bản	4
7.	Giảng viên Công tác xã hội chuyên biệt	5
8.	Giảng viên Kinh tế và tài chính	9
9.	Giảng viên 1 ngành mới của Phân hiệu (dự kiến ngành Du lịch)	5
10.	Giảng viên Marketing và Thương mại điện tử	4
11.	Giảng viên Quản trị kinh doanh tổng hợp	4
12.	Giảng viên Du lịch, quản trị du lịch, khách sạn, nhà hàng	10
13.	Giảng viên Giới trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội	3
14.	Giảng viên Giới và Phát triển con người	2

TT	Vị trí việc làm	Số lượng người làm việc
15.	Giảng viên Luật Dân sự	5
16.	Giảng viên Luật Kinh tế	7
17.	Giảng viên Pháp Luật Hành chính và Hình sự	5
18.	Giảng viên Văn hóa truyền thông	3
19.	Giảng viên Báo chí truyền thông	6
20.	Giảng viên Mỹ thuật đa phương tiện	5
21.	Giảng viên Công nghệ thông tin	10
22.	Giảng viên Bồi dưỡng công tác Hội	2
23.	Giảng viên Phương pháp nghiên cứu (NCV kiêm nhiệm)	
24.	Nghiên cứu viên về Giới trong Kinh tế và quản trị	2
25.	Nghiên cứu viên về Phong trào phụ nữ và công tác Hội LHPN Việt Nam	2
26.	Nghiên cứu viên về Giới trong chính sách, luật pháp và chính trị	2
27.	Nghiên cứu viên về Xã hội học và gia đình	2
C	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	72
1.	Quản lý khoa học	2
2.	Quản lý, phát triển nhân lực (tổ chức, thi đua khen thưởng, đào tạo viên chức)	3
3.	Chuyên viên tư vấn pháp luật	2
4.	Kế hoạch, hành chính tổng hợp	2
5.	Quản lý đào tạo (trung cấp, đại học, sau đại học)	4
6.	Tuyển sinh (Phân hiệu thực hiện kiêm nhiệm)	3
7.	Quản lý bồi dưỡng	6
8.	Khảo thí và bảo đảm chất lượng (Phân hiệu thực hiện kiêm nhiệm)	4
9.	Hợp tác quốc tế (Phân hiệu thực hiện kiêm nhiệm)	4
10.	Công tác sinh viên (Phân hiệu thực hiện kiêm nhiệm)	4
11.	Chuyên trách công tác Đoàn thanh niên (Phân hiệu thực hiện kiêm nhiệm)	1
12.	Trợ lý khoa	7

TT	Vị trí việc làm	Số lượng người làm việc
13.	Thanh tra - Pháp chế (Phân hiệu thực hiện kiêm nhiệm)	1
14.	Thư ký toà soạn tạp chí khoa học	1
15.	Biên tập viên website và truyền thông (Phân hiệu thực hiện kiêm nhiệm)	2
16.	Quản trị hệ thống Công nghệ thông tin	4
17.	Quản trị (quản lý tài sản, khai thác cơ sở vật chất, kỹ thuật điện, nước, quản trị toà nhà)	7
18.	Kế toán	5
19.	Thủ quỹ	2
20.	Y tế	1
21.	Văn thư, lưu trữ (PH kiêm nhiệm)	2
22.	Thư viện viên	2
23.	Lái xe	2
24.	Nhân viên ký túc xá	1
D	VTVL nhóm hỗ trợ, phục vụ	3
1.	Nhân viên lễ tân, phục vụ	3
	Tổng số	251

Trong đó, số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách của Học viện Phụ nữ Việt Nam thực hiện theo Thông báo riêng của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

PHẦN II. CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

TT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Hạng I và tương đương	23	9,16
2.	Hạng II và tương đương	66	26,29
3.	Hạng III và tương đương	149	59,36
4.	Nhân viên và tương đương	13	5,19
	Tổng	251	100